

Số: /HD-MTTQ-BTT

Gia Lai, ngày tháng 02 năm 2026

HƯỚNG DẪN

Tuyên truyền và triển khai thực hiện

**Kế hoạch số 31-KH/TU ngày 09/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
về triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị
trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2026**

Căn cứ Hướng dẫn số 22-HD/BTGDVTU ngày 29/01/2026 của Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy về phổ biến, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Kế hoạch số 31-KH/TU ngày 09/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2026 (Kế hoạch số 31-KH/TU); Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh hướng dẫn công tác tuyên truyền như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Giúp cấp ủy, tổ chức đảng các cấp trong tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 31-KH/TU và Kế hoạch hành động số 22-KH/TU; nâng cao nhận thức và tạo sự thống nhất trong toàn Đảng bộ và hệ thống chính trị, sự đồng thuận trong Nhân dân về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Việc quán triệt, tuyên truyền Kế hoạch số 31-KH/TU và Kế hoạch hành động số 22-KH/TU được tiến hành kịp thời, nghiêm túc, thiết thực, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đơn vị.

II. NỘI DUNG TUYÊN TRUYỀN

Các đơn vị tổ chức tuyên truyền Kế hoạch số 31-KH/TU và Kế hoạch hành động số 22-KH/TU đến cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, trong đó tập trung vào một số nội dung sau:

1. Tuyên truyền, quán triệt tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong phần đầu thực hiện mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, trong đó:

1.1. Về mục tiêu chung

- Năm 2026 là năm tăng tốc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị. Ban Chỉ đạo về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện đồng bộ, quyết liệt các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra; bảo đảm khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đóng góp thiết thực, có thể đo lường được vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế đạt hai con số, trước hết thông qua việc nâng cao năng suất lao động,

hiệu quả quản trị, chất lượng cung cấp dịch vụ công và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Tạo chuyên biến rõ nét, thực chất về chuyển đổi số trong toàn hệ thống chính trị; bảo đảm tính liên thông, đồng bộ giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương và trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh; tập trung vào những khâu có tác động trực tiếp đến năng suất, chi phí, thời gian xử lý công việc, chất lượng dịch vụ và khả năng mở rộng thị trường.

- Thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu, ứng dụng và thị trường; phát huy hiệu quả mô hình hợp tác giữa Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp; đẩy mạnh thương mại hóa kết quả nghiên cứu, hình thành và phát triển doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; phát triển đô thị thông minh, khu công nghệ số, trung tâm đổi mới sáng tạo theo hướng có sản phẩm cụ thể, có kết quả rõ ràng và có khả năng nhân rộng.

- Ưu tiên bố trí nguồn lực để phát triển một số công nghệ chiến lược như bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, an toàn, an ninh mạng và các công nghệ liên quan, qua đó từng bước nâng cao năng lực khoa học, công nghệ và sức cạnh tranh của tỉnh.

- Huy động mạnh mẽ các nguồn lực xã hội cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Nhà nước giữ vai trò kiến tạo, dẫn dắt, hoàn thiện thể chế, tháo gỡ các rào cản và thúc đẩy phát triển thị trường; các sở, ngành, địa phương chủ động xác định ngành, lĩnh vực ưu tiên, tập trung nâng cao trình độ công nghệ, thúc đẩy chuyển giao công nghệ, nhất là trong các ngành sản xuất, chế biến, chế tạo, qua đó hình thành các động lực tăng trưởng mới trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

1.2. Về mục tiêu cụ thể

a. Chỉ tiêu kết quả, đóng góp tăng trưởng:

- Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP năm 2026 phấn đấu đạt 15%.
- Tỷ trọng đóng góp của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong GRDP phấn đấu đạt 15%.
- Tỷ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp vào tăng trưởng GRDP ước đạt 43,5%.

b. Về hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn kỹ thuật:

- Hoàn thành việc rà soát toàn bộ các văn bản quy phạm đã ban hành liên quan đến phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xác định đầy đủ danh mục các văn bản cần xây dựng, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới; kịp thời ban hành văn bản hướng dẫn, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và khả thi trong tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

- Hoàn thành xây dựng, ban hành tiêu chuẩn kỹ thuật ưu tiên trong các ngành, lĩnh vực phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Có cơ chế “thử nghiệm có kiểm soát” cho các ngành, lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm.

- Đẩy mạnh hiện đại hóa phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành trên cơ sở dữ liệu; thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, trợ lý ảo và các công nghệ hỗ trợ ra quyết định; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật.

c. Về chuyển đổi số:

- Về hạ tầng số:

+ Mở rộng phủ sóng 5G đạt 95% dân số, bảo đảm chất lượng dịch vụ; ưu tiên phủ sóng khu vực sản xuất, logistics, cảng biển, cửa khẩu, khu công nghiệp và đô thị lớn.

+ Xóa vùng lõm sóng, nâng cao chất lượng kết nối; ưu tiên vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

+ Bảo đảm đầy đủ các điều kiện tối thiểu phục vụ chuyển đổi số ở cấp xã; 100% cán bộ, công chức cấp xã được trang bị máy tính đáp ứng cấu hình kỹ thuật tối thiểu và có chữ ký số cá nhân để xử lý, giải quyết công việc trên môi trường điện tử. Nâng cấp, mở rộng hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là đường truyền Internet, bảo đảm kết nối ổn định, thông suốt, ưu tiên các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo. Bố trí kinh phí để nâng cấp, thay thế hoặc bổ sung kịp thời trang thiết bị công nghệ thông tin đã xuống cấp; đồng thời rà soát, khắc phục triệt để các tồn tại, lỗi kỹ thuật của các hệ thống thông tin đang vận hành, bảo đảm an toàn, hiệu quả và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

+ Triển khai có hiệu quả các đề án trọng điểm về phát triển công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI) và an toàn - an ninh mạng.

+ Khai thác hiệu quả lợi thế từ các tuyến cáp quang biển cập bờ (ADC và SJC-2) và hoàn thành xây dựng đô thị thông minh tại một đô thị trọng điểm.

- Về số hóa, dữ liệu, nền tảng số:

+ Thực hiện chuyển đổi các hệ thống lên Trung tâm Dữ liệu quốc gia theo hướng dẫn của Bộ Công an; đáp ứng yêu cầu lưu trữ, tích hợp, chia sẻ, khai thác dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành và cung cấp dịch vụ công.

+ Triển khai việc nhập liệu, kết nối, chia sẻ dữ liệu thực chất với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo kế hoạch của Trung ương; bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”. Hình thành Kho dữ liệu số cấp tỉnh.

+ Hoàn thành việc xây dựng, đưa vào vận hành thực chất các nền tảng số dùng chung của tỉnh, bảo đảm triển khai thống nhất từ tỉnh đến xã.

+ Bảo đảm 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh và cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ (dùng cho cá nhân, tổ chức) để giải quyết công việc.

+ Kết nối, liên thông các hệ thống thông tin phục vụ hoạt động và chỉ đạo, điều hành (hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc, hệ thống thông tin báo cáo, hệ thống họp trực tuyến...) của các khối cơ quan Đảng, Hội đồng nhân dân, Chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Về thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến:

+ Bảo đảm cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính đủ điều kiện.

+ Tỷ lệ TTHC cung cấp DVC trực tuyến và Tỷ lệ TTHC cung cấp DVC trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC của cấp tỉnh lần lượt đạt tối thiểu 100% và 70%.

+ Tối thiểu 90% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần.

+ Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh đạt trên 95%.

+ Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu số hóa trên địa bàn tỉnh đạt trên 95%.

+ 100% thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh; 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch.

+ 100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.

+ Duy trì tỷ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt từ 95% trở lên.

- Về nhân lực và năng lực thực thi công vụ trên môi trường số:

+ Bố trí nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị theo quy định; 100% cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản gắn với vị trí việc làm; củng cố mô hình vận hành và điều kiện hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công và bộ phận một cửa các cấp, bảo đảm phục vụ liên tục, không gián đoạn.

+ Triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong các khâu có tần suất lớn, rủi ro cao của công vụ (tiếp nhận, phân luồng hồ sơ; đối soát thành phần hồ sơ; kiểm tra tính hợp lệ; tổng hợp báo cáo; cảnh báo sai lệch dữ liệu), bảo đảm có cơ chế kiểm soát, lưu vết và trách nhiệm giải trình; phấn đấu nâng năng suất xử lý và giảm sai sót nghiệp vụ, rủi ro tuân thủ.

- Chuyên đổi số trong các ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp:

+ Tập trung chỉ đạo chuyển đổi số thực chất đối với các ngành, lĩnh vực có tác động lớn đến tăng trưởng, năng suất và năng lực cạnh tranh; ưu tiên các chuỗi giá trị có quy mô lớn và khả năng lan tỏa cao như: Công nghiệp chế biến, chế tạo; thương mại và phân phối; tài chính, ngân hàng; giao thông vận tải và logistics; nông nghiệp; xây dựng; du lịch.

+ Thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ; phát triển quản trị số, sản xuất thông minh, logistics thông minh; tăng cường liên kết doanh nghiệp với viện nghiên cứu, trường đại học để đổi mới công nghệ.

d. Về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

- Đổi mới cơ chế đặt hàng và đưa kết quả vào sử dụng thực tế:

+ 100% nhiệm vụ khoa học, công nghệ cấp tỉnh được xác định theo bài toán/nhu cầu và có đơn vị tiếp nhận/ứng dụng (cơ quan nhà nước, địa phương hoặc doanh nghiệp) ngay từ khâu phê duyệt nhiệm vụ.

+ Tối thiểu 70% nhiệm vụ cấp tỉnh triển khai theo cơ chế đặt hàng; trong đó tối thiểu 30% có đồng tài trợ từ doanh nghiệp/địa phương và cam kết đầu ra (hợp đồng/đơn hàng/lộ trình áp dụng).

+ 100% nhiệm vụ cấp tỉnh có kế hoạch triển khai ứng dụng/thương mại hóa và chỉ tiêu đo lường (hiệu quả, phạm vi áp dụng, thời hạn đưa vào sử dụng) kèm cơ chế theo dõi sau nghiệm thu.

- Phát triển nhân lực:

+ Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Quốc tế Khoa học và Giáo dục liên ngành (ICISE); từng bước nâng cấp Viện Nghiên cứu Khoa học và Giáo dục Liên ngành (IFIRSE) trở thành viện nghiên cứu trọng điểm cấp quốc gia.

+ Xây dựng Kế hoạch thành lập trung tâm đào tạo tiên tiến chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo tại Đại học Quy Nhơn.

+ Triển khai Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về bán dẫn, AI và an toàn - an ninh mạng.

- Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và thị trường khoa học công nghệ:

+ Nâng chất lượng hoạt động trung tâm đổi mới sáng tạo, vườn ươm, không gian hỗ trợ khởi nghiệp, gắn trực tiếp với bài toán của doanh nghiệp và địa phương; ưu tiên mô hình có doanh thu dịch vụ/đầu tư tư nhân.

+ Đẩy mạnh bảo hộ, khai thác tài sản trí tuệ từ kết quả nghiên cứu; yêu cầu mỗi nhiệm vụ trọng điểm có kế hoạch quản trị tài sản trí tuệ và phương án khai thác sau nghiệm thu.

- Số hóa, minh bạch hóa quản trị nhiệm vụ khoa học, công nghệ:

+ 100% nhiệm vụ khoa học, công nghệ cấp tỉnh được quản lý, theo dõi trên nền tảng số của ngành Khoa học và Công nghệ; cập nhật đầy đủ vòng đời nhiệm vụ (đặt hàng, tuyển chọn/giao trực tiếp, hợp đồng, giải ngân, nghiệm thu, chuyển giao, theo dõi sau nghiệm thu).

+ 100% thông tin kết quả và tài chính của nhiệm vụ (phần được công khai theo quy định) được minh bạch hóa trên nền tảng số; bảo đảm lưu vết, ký số, đối soát tiến độ, giải ngân, sản phẩm.

+ Tối thiểu 90% nhiệm vụ thực hiện cập nhật tiến độ định kỳ hằng tháng; chậm cập nhật/không đủ dữ liệu bị đưa vào diện cảnh báo.

- Nâng cao năng lực hạ tầng nghiên cứu - thử nghiệm - sản xuất thử để rút ngắn “từ phòng thí nghiệm ra thị trường”

Rà soát, nâng cấp và liên thông hạ tầng phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu - phát triển, cơ sở đánh giá/chứng nhận; hình thành phòng thí nghiệm về công nghệ bán dẫn, công nghệ sinh học.

2. Tuyên truyền, phổ biến về 12 nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2026 mà Kế hoạch số 31-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy xác định, gồm: (1) Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc cụ thể hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW với nội dung đầy đủ, bám sát tình hình thực tiễn của địa phương; phân công nhiệm vụ, trách nhiệm rõ ràng, cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của từng cơ quan, đơn vị; bảo đảm thống nhất, đồng bộ và hiệu quả trong tổ chức thực hiện; (2) Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; (3) Hoàn thiện thể chế, chính sách cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; (4) Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; (5) Về chuyển đổi số; (6) Triển khai nền tảng, ứng dụng số; thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến; (7) Xây dựng, triển khai các cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia, chuyên ngành, phát triển dữ liệu; (8) An ninh mạng, bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu; (9) Phát triển nguồn nhân lực cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; (10) Bảo đảm kinh phí cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; (11) Hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; (12) Giám sát, đánh giá.

Đồng thời tuyên truyền, phổ biến Danh mục 83 nhiệm vụ cụ thể triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trong năm 2026 trên địa bàn tỉnh.

III. HÌNH THỨC TUYÊN TRUYỀN

1. Tuyên truyền sâu rộng trên cổng/trang thông tin điện tử và trên nền tảng số, mạng xã hội (Facebook, Zalo, Youtube...) của địa phương, đơn vị.

2. Tuyên truyền, phổ biến tại các buổi sinh hoạt chuyên đề, sinh hoạt của các tổ chức chính trị - xã hội; hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên cơ sở; thông qua hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao...

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh

- Ban hành Hướng dẫn tuyên truyền và triển khai thực hiện Kế hoạch số 31-KH/TU ngày 09/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2026 triển khai đến MTTQ Việt Nam cấp xã tổ chức triển khai thực hiện.

- Giao Ban Tuyên giáo - Công tác xã hội và Hội quần chúng theo dõi, đôn đốc các địa phương thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền theo Hướng dẫn này; đẩy mạnh công tác tuyên truyền và triển khai thực hiện Kế hoạch số 31-KH/TU với hình thức phù hợp. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

2. Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam các xã, phường

- Phối hợp, tổ chức tốt công tác thông tin, tuyên truyền cho cán bộ, đoàn viên, hội viên và Nhân dân; vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 31-KH/TU và Kế hoạch hành động số 22-KH/TU.

- Tăng cường công tác giám sát, phản biện xã hội, kịp thời phản ánh, báo cáo cấp có thẩm quyền phối hợp giải quyết những vấn đề nhạy cảm, phức tạp mới phát sinh liên quan đến đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Trên đây là Hướng dẫn Tuyên truyền và triển khai thực hiện Kế hoạch số 31-KH/TU ngày 09/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2026

Nơi nhận:

- Ban Tuyên giáo Ủy ban TW MTTQ Việt Nam;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- BTT Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- BTT Ủy ban MTTQ Việt Nam các xã, phường;
- Lưu: VT, Ban TG-CTXH&HQC.

**TM. BAN THƯỜNG TRỰC
PHÓ CHỦ TỊCH**

Siu Trung